| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 233/2018/DS-PT
Ngày 19 - 11- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

*Các Thẩm phán*: Bà **Nguyễn Thị An Tiên**

Ông **Lâm Văn Be**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kiều Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông **Trương Thái Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2018/TLPT- DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**-** *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần D**;

Địa chỉ: Tháp D số 35 H V, Quận K, Hà Nội.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Tây Ninh do ông Trương Hồng N, chức vụ giám đốc làm đại diện.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Ông **Lê Thanh D** – Giám đốc Phòng giao dịch H T; Địa chỉ: Số 81, đường H V, K p 2, thị trấn H T, huyện H T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1941; cư trú tại: Số 252, đường V, K p 5, P4, thành phố T N, có mặt.

Bà **Tiêu Thị Kim C**, sinh năm: 1957; cư trú tại: Số 254, đường V, K p 5, P4, thành phố T N, vắng mặt.

Hiện nay cư trú tại: Số 326, đường L, K p 4, P 4, thành phố T N.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thành T; Ngân hàng Thương mại cổ phần D.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Thanh D đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần D, chi nhánh Tây Ninh- Phòng giao dịch H T trình bày:*

Ngày 15-03-2012, ông Nguyễn Thành T và bà Tiêu Thị Kim C có ký hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ với Ngân hàng Thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch H T (viết tắt là Ngân hàng D) để vay số tiền là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 18,0%/năm, tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng, mục đích để chăm sóc cây cao su, ngày đến hạn trả nợ là 15-03-2013. Khi vay, ông T bà C có ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ tại Phòng công chứng Nguyễn Gia T thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 936 $m^2$, thửa đất số 297, tờ bản đồ số 3 tọa lạc Kp 5, P4, Thành phố T N, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ) số 02504/QSDĐ/D6 do UBND huyện H T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21-05-1994 cho ông Nguyễn Thành T đứng tên. Việc thế chấp quyền sử dụng đất trên được đăng ký tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T N, tỉnhTây Ninh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C trả lãi đến ngày 15-3-2013 được số tiền 218.400.000 đồng, tính đến ngày 21-9-2018, tổng số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng ông T, bà C chưa trả là 2.525.160.000 đồng trong đó bao gồm nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 883.433.333 đồng, lãi quá hạn là 441.716.667đồng.

Nay Ngân hàng D khởi kiện yêu cầu ông T, bà C trả tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 21-9-2018 là 2.525.160.000 đồng. Đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc K p 5, P 4, thành phố T N theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ để đảm bảo thi hành khoản nợ trên.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/2/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

- Bà Tiêu Thị Kim C trình bày: Ngày 15-3-2012, bà có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ vay của Ngân hàng D số tiền 1.200.000 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng theo giấy CNQSDĐ số 02504 QSDĐ/D6 ngày 21/5/1994 do ông Nguyễn Thành T đứng tên sử dụng diện tích 936$m^2$ , thửa số 297 tờ bản đồ số 3 tọa lạc xã H T, huyện H T (nay là K p 5, P 4, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ tại Phòng

công chứng Nguyễn Gia T và được đăng ký tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T N, tỉnhTây Ninh.

Sau khi vay bà đóng lãi đầy đủ, đến hạn trả nợ năm 2013 bà mất khả năng thanh toán nên kéo dài đến nay.

Các thủ tục vay tại Ngân hàng do bà giả chữ ký của ông T, ông T không có ký tên trong hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp bất động sản. Bà tự ý lấy giấy CNQSDĐ của ông T thế chấp đảm bảo số tiền vay ông T không biết. Đến năm 2013 bà không khả năng trả nợ, Ngân hàng có gặp ông T và bà yêu cầu làm cam kết trả nợ nên ông T mới biết. Do có ý muốn giúp bà trả nợ nên ông T cùng bà ký tên cam kết trả nợ trong biên bản làm việc ngày 30-7-2013, bản xác nhận nợ vay và cam kết trả nợ ngày 26-8-2014 của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng D khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử tổng cộng 2.525.160.000 đồng bà đồng ý trả nợ để lấy giấy CNQSDĐ trả lại cho ông T.

- Ông Nguyễn Thành T trình bày*:* Ông xác định không có giao dịch vay mượn tiền với Ngân hàng D. Tất cả các thủ tục vay do bà C giả chữ ký của ông, ông không ký tên trong hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp bất động sản.

Bà C tự ý lấy giấy CNQSDĐ diện tích 936m$^2$ do ông đứng tên làm tài sản đảm bảo trả nợ. Năm 2013, Ngân hàng đến đòi nợ yêu cầu ông và bà C viết cam kết trả nợ thì ông mới biết bà C thế chấp giấy CNQSDĐ của ông. Ông thừa nhận có ký tên trong biên bản làm việc với Phòng giao dịch H T ngày 30-7-2013 và Bản xác nhận nợ vay và cam kết trả nợ ngày 26-8-2014 cam kết cùng với bà C trả nợ cho Ngân hàng.

Năm 2015, bạn ông hứa cho mượn 1.200.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng. Do có ý muốn giúp bà C trả nợ nên ông có gặp Ngân hàng xin trả nợ gốc, không trả lãi nhưng Ngân hàng không đồng ý nên chữ ký hứa trả nợ giúp bà C không còn giá trị. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà C trả số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi 1.325.160.000 đồng, tổng cộng 2.525.160.000 đồng ông không đồng ý. Bà C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng lấy giấy CNQSDĐ trả lại cho ông.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T N, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần D (D) - Chi nhánh Tây Ninh đối với ông Nguyễn Thành T, bà Tiêu Thị Kim C về số tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Thành T, bà Tiêu Thị Kim C trả cho cho Ngân hàng thương mại cổ phần D (D) - Chi nhánh Tây Ninh số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20-9-2018 gồm: lãi trong hạn là 883.433.333 đồng, lãi quá hạn 441.716.667 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 2.525.160.000 (*hai tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

Tuyên hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ (số đăng ký tại NH: 01/740.176) ngày 15-3-2012 giữa Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch H T với bà Tiêu Thị Kim C và ông Nguyễn Thành T được Phòng công chứng Nguyễn Gia T chứng thực số 1353, Quyển số 02.TP/SCC/HĐGD vô hiệu.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần D (D) - Chi nhánh Tây Ninh có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C635527, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 02504…QSDĐ/D6 diện tích 936m$^2$, thửa số 297 tờ bản đồ số 3 do UBND huyện Hòa Thành cấp ngày 21-05-1994 cho ông Nguyễn Thành T đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định; chi phí thẩm định, định giá; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, ông Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo không đồng ý cùng bà C có trách nhiệm trả số tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng thế chấp có hiệu lực để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông T và đại diện theo ủy quyền Ngân hàng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15-03-2012, bà Tiêu Thị Kim C ký hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ với Ngân hàng D vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Tại bản xác nhận nợ vay và cam kết trả nợ ngày 26-08-2014, bà C và ông T cam kết trả nợ đến 30-6-2015, đến ngày 08-12-2017 Ngân hàng khởi kiện, căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015, vụ án vẫn còn trong thời hiệu luật định.

[2] Bà Tiêu Thị Kim C thừa nhận ngày 15-03-2012, bà C ký Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ với Ngân hàng D vay số tiền là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21-9-2018 tổng cộng 2.525.160.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà Tiêu Thị Kim C cho rằng chữ ký của ông Nguyễn Thành T trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp bất động sản trên do bà ký thay ông T. Tại kết luận giám định số 2400/C54B ngày 9/7/2018 kết luận chữ ký mang tên "Nguyễn Thành T" trong Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ, so với tài liệu cần giám định là không phải do cùng một người ký ra.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành T về việc không đồng ý cùng bà C trả tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng thì thấy rằng

Quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng ông không biết việc bà C vay tiền tại Ngân hàng D. Tuy nhiên ngay sau khi ông T, bà C không thanh toán khoản vay theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng thì ngày 30/7/2013 Ngân hàng đã có biên bản về việc thu hồi nợ quá hạn. Tại biên bản trên ông T ký tên phần đại diện bên vay và cam kết trả nợ trong thời hạn 03 tháng. Tiếp đó ngày 26/8/2014, ông T, bà C tự viết bản xác nhận nợ vay và cam kết trả nợ thể hiện nội dung "Ngày 15/03/2012, chúng tôi có thực hiện hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ…Tuy nhiên do sản xuất kinh doanh thua lỗ nên đến nay chúng tôi chưa trả được nợ vay cho Ngân hàng…tổng cộng 1.556.000.000 đồng…Để tạo điều kiện cho chúng tôi được bán tài sản để trả nợ vay tại Ngân hàng chúng tôi cam kết và đề nghị Ngân hàng cho chúng tôi thời gian đến 30/6/2015 để trả nợ vay…Sau thời gian cam kết trên nếu chúng tôi không trả được nợ vay cho Ngân hàng, chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật".

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/2/2018, ông T thừa nhận năm 2015, ông có đến Ngân hàng xin trả số tiền gốc 1.200.000.000 đồng xin không trả lãi nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Mặc khác, theo giấy CNQSDĐ số 02504 QSDĐ/D6 ngày 21/5/1994 thể hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất này để vay vốn tại Ngân hàng D diễn ra liên tục từ năm 2009 cho đến nay. Theo hợp đồng tín dụng thể hiện bà C vay vốn để chăm sóc cao su và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng cung cấp giấy CNQSDĐ ông T, bà C cùng đứng tên trồng cao su. Như vậy thể hiện ý chí của ông T biết về khoản vay và đồng ý thanh toán khoản vay trên cùng bà C.

Tại phiên tòa, ông T cũng đồng ý cùng hỗ trợ bà C trả số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông T và bà C thanh toán khoản tiền gốc và lãi tổng cộng 2.525.160.000 đồng là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 15-03-2012 thì thấy rằng chữ ký Nguyễn Thành T trong hợp đồng thế chấp trên là không phải của ông T. Ông T và bà C chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, tài sản thế chấp quyền sử dụng đất ông Nguyễn Thành T được cấp giấy CNQSDĐ ngày 21-05-1994, ông T và bà C chung sống từ năm 1996, tài sản trên ông T có trước khi về chung sống với bà C.

Mặt khác, Tại biên bản định giá tài sản ngày 03-4-2018 thể hiện trên đất có 01 nhà tường cấp 2A, nhà tạm khung sắt tiền chế, nền gạch Tezzero, mái che khung sắt tiền chế nền gạch Tezzero, cổng hàng rào khung sắt phía trên lợp ngói cao, nền sân gạch Tezzero nhưng hợp đồng thế chấp và đơn đăng ký thế chấp ngày ngày 15-03-2012 không thể hiện tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp trên không thỏa mãn điều kiện có hiệu lực, chưa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; không đảm bảo hình thức giao dịch dân sự nên vô hiệu theo quy định tại Điều 122, 127, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và đại diện ngân hàng D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, ông T được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 12, khoản 1 Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành T Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 96/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh đối với ông Nguyễn Thành T, bà Tiêu Thị Kim C về số tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Thành T, bà Tiêu Thị Kim C trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21-9-2018 gồm: lãi trong hạn là 883.433.333 đồng, lãi quá hạn

441.716.667 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 2.525.160.000 (*hai tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn)* đồng.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ (số đăng ký tại NH: 01/740.176) ngày 15-3-2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh - Phòng giao dịch H T với bà Tiêu Thị Kim C và ông Nguyễn Thành T được Phòng công chứng Nguyễn Gia T chứng thực số 1353, Quyển số 02.TP/SCC/HĐGD vô hiệu.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C635527, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 02504…QSDĐ/D6 diện tích 936m$^2$, thửa số 297 tờ bản đồ số 3 do UBND huyện H T cấp ngày 21-05-1994 cho ông Nguyễn Thành T đứng tên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá đã nộp và chi phí xong.

3. Về chi phí giám định: Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thành T 2.400.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Nguyễn Thành T và bà Tiêu Thị Kim C.

Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh không phải chịu án phí. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.105.000 đồng theo biên lai thu số 0004946 ngày 22-12-2017.

- Án phí phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần D - Chi nhánh Tây Ninh phải chịu 300.000 đồng tiềm án phí nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006090 ngày 08/10/2018. Miễn tiền án phí cho ông Nguyễn Thành T, hoàn trả cho ông Nguyễn Thành T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006097 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND tp Tây Ninh;
- Chi cục THADS Tp Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Phượng**